



# XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2017-2021

*ThS. Khổng Văn Thăng\**

## **Tóm tắt**

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã tích cực thực hiện đồng bộ việc cải cách hành chính theo hướng một cửa, một cửa liên thông hiện đại, tinh giản bộ máy hành chính, sự nghiệp theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn và tiết kiệm nhất. Những kết quả tích cực trong cải cách hành chính, tinh giản bộ máy hành chính, sự nghiệp, hiệp hội đã góp phần cho thu hút đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh Bắc Ninh luôn đứng top đầu cả nước. Theo kết quả Tổng điều tra kinh tế, hành chính năm 2021, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 138.320 đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội và tôn giáo, thu hút 727.939 lao động vào làm việc trong các đơn vị này. Về số cơ sở chiếm khoảng 2,30% so với cả nước và chiếm 8,87% so với Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH), tăng 10,22% so với năm 2017, tương ứng tăng 12.832 đơn vị, bình quân 5 năm qua tăng 2,46%/năm tương ứng với 2.566,4 đơn vị/năm, đây là mức tăng cao, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức tăng bình quân giai đoạn (5 năm trước) 1,93 điểm phần trăm. Về số lao động của Bắc Ninh hiện chiếm 2,78% so với số lao động cả nước và chiếm 9,1% so với vùng ĐBSH, tăng 22,6% so với năm 2017, tương ứng tăng 134.135 người, bình quân 5 năm qua tăng 5,22%/năm, tương đương tăng gần 26.827 người/năm, song vẫn thấp hơn mức tăng của giai đoạn (5 năm trước) 4,22 điểm phần trăm.

## **1. Xu hướng biến động số cơ sở và lao động theo đơn vị kinh tế**

- Doanh nghiệp (DN) là loại hình kinh tế có xu hướng biến động tăng nhanh nhất cả về số lượng cơ sở và số lao động. Tại thời điểm 01/01/2021, toàn tỉnh có 10.279 DN thực tế đang hoạt động, sử dụng 462.590 lao động, so với năm 2017 số lượng DN tăng 88,67%, tương ứng tăng 4.831 DN, số lao động tăng 39,57%, tương ứng tăng 131.155

người. Bình quân mỗi năm giai đoạn 2017-2021, số DN tăng 17,2%, tương đương tăng 1.208 DN/năm, cao hơn 2,73 lần so với giai đoạn trước (2012-2017); số lao động bình quân tăng 8,69%, tương đương tăng 32.789 lao động/năm, nhưng lại thấp hơn bình quân giai đoạn trước 10,01%. Trong khối DN, khu vực kinh tế Nhà nước, toàn tỉnh chỉ còn 9 DN, giảm 8 DN so với năm 2017 do cổ phần hóa, số lao động làm việc trong các DN Nhà nước là 2.790 lao động, giảm 4.965 lao động tương ứng giảm 64,02% so với năm 2017; Khu vực

\* Phó Cục trưởng, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

## ➤➤➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

DN ngoài Nhà nước, toàn tỉnh có 8.996 DN, tăng 89,75% so với năm 2017 tương ứng tăng 4.255 DN, thu hút 152.746 lao động, tăng 38,13% tương ứng tăng 42.170 lao động so với năm 2017; Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài, toàn tỉnh có 1.274 DN, tăng 84,63% tương ứng tăng 584 DN so với năm 2017, đây là loại hình thu hút lực lượng lao động làm việc lớn nhất hiện nay với 307.054 lao động, tăng 44,1% tương ứng với 93.950 lao động so với 5 năm trước. Về quy mô sử dụng lao động bình quân 1 DN có xu

hướng giảm dần ở tất cả các loại hình doanh nghiệp, cụ thể: Nếu năm 2017, bình quân 1DN sử dụng 60,83 người, thì đến năm 2021 giảm xuống còn 45 người/DN, trong đó, Khu vực DN Nhà nước năm 2017, bình quân 1 DN sử dụng 456,1 người, đến năm 2021 chỉ còn 310 người/DN; Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước từ 23,3 người/DN (2017) xuống còn 16,97 người/DN (2021); Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (2017) là 308,8 người/DN, đến năm 2021 xuống còn 214 người/DN.

**Bảng 1.** Số cơ sở và lao động của các đơn vị kinh tế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2021

Đơn vị kinh tế	Số lượng cơ sở (Cơ sở)		Số lượng lao động (Người)		So sánh năm 2021/2017 (%)		Tốc độ phát triển BQ giai đoạn 2017- 2021 (%)	
	Năm 2017	Năm 2021	Năm 2017	Năm 2021	Cơ sở	Lao động	Cơ sở	Lao động
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>122.644</b>	<b>136.007</b>	<b>548.379</b>	<b>686.351</b>	<b>110,9</b>	<b>125,2</b>	<b>102,6</b>	<b>105,8</b>
1. Doanh nghiệp	5.448	10.279	331.435	462.590	188,7	139,6	117,2	108,7
1.1. Doanh nghiệp nhà nước	17	9	7.755	2.790	52,9	36,0	85,3	77,4
1.2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước	4.741	8.996	110.576	152.746	189,7	138,1	117,4	108,4
1.3. Doanh nghiệp FDI	690	1.274	213.104	307.054	184,6	144,1	116,6	109,6
2. Hợp tác xã	418	385	4.562	2.712	92,1	59,4	98,0	87,8
3. Cơ sở SXKD cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	116.778	125.343	212.382	221.049	107,3	104,1	101,8	101,0

*Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế 2021 tỉnh Bắc Ninh*

Chia theo quy mô DN: DN siêu nhỏ của tỉnh hiện có 5.446 DN, tăng 70,5% tương ứng tăng 2.252 DN so với năm 2017 và vẫn

chiếm đa số (52,98%) trong tổng số DN, giảm 5,64 điểm phần trăm so với năm 2017; DN nhỏ có 3.522 DN, tăng 82,58% tương

ứng tăng 1.593 DN, chiếm 34,26% tổng số DN, giảm 1,14 điểm phần trăm so với năm 2017; DN có quy mô vừa hiện có 797 DN, tăng thêm trên 4,9 lần về số lượng so với năm 2017 tương ứng tăng 664 DN và chỉ chiếm 7,75% tổng số DN toàn tỉnh, song đã tăng 5,31 điểm phần trăm so với năm 2017; DN lớn hiện có 514 DN, tăng trên 1,68 lần tương ứng với số DN tăng là 322 DN so với năm 2017 và hiện đã chiếm 5,0% tổng số DN toàn tỉnh, tăng 1,5 điểm phần trăm so với năm 2017. Phân theo ngành kinh tế: Khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng doanh nghiệp rất ít chỉ có 38 doanh nghiệp, chiếm 0,37% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, tuy nhiên cũng tăng 1,1 lần, tương ứng 20 doanh nghiệp so với năm 2017; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng có 4.599 doanh nghiệp, chiếm 44,74% tổng số DN toàn tỉnh, tăng 82,9%, tương ứng tăng 2.085 doanh nghiệp so với năm 2017; Khu vực dịch vụ có 5.642 doanh nghiệp, chiếm 54,9% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, tăng 93,48% so với năm 2017, tương ứng tăng 2.726 doanh nghiệp so với cùng thời điểm năm 2017.

- Hợp tác xã (HTX) là loại hình kinh tế tiếp tục có xu hướng giảm cả về số lượng cơ sở và số lượng lao động. Toàn tỉnh chỉ còn 385 HTX, thu hút 2.712 lao động, giảm 7,89% về số cơ sở và giảm tới 40,55% về lao động so với năm 2017. Nguyên nhân chính dẫn đến các HTX giảm cả về số lượng và số lao động là do các HTX nông nghiệp đang trong quá trình tổ chức lại và chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, theo đó có nhiều HTX hoạt động không hiệu quả đã chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác hoặc làm thủ tục giải thể. Về quy mô sử dụng lao động bình quân 1 HTX đã

giảm từ 10,9 người/HTX (năm 2017) xuống còn 7 người/HTX (năm 2021).

- Về các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể, năm 2021 toàn tỉnh có 125.343 cơ sở SXKD cá thể, tăng 7,3%, tương ứng tăng 8.565 cơ sở so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 mỗi năm tăng 1,78%, tương ứng tăng 2.141 cơ sở/năm; các cơ sở SXKD cá thể của tỉnh đã thu hút 221.049 lao động vào làm việc, tăng 4,08%, tương ứng tăng 8.667 người so với năm 2017, bình quân mỗi cơ sở sử dụng 1,76 lao động, giảm 0,05 điểm phần trăm so với năm 2017.

## **2. Xu hướng biến động số cơ sở đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội và tôn giáo**

- Đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, so với các loại hình khác, khối này giảm cả về số lượng đơn vị và số lao động. Tại thời điểm 01/01/2021, toàn tỉnh có 1.079 đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, thu hút 38.766 lao động, so với năm 2017 số cơ sở giảm 34,45%, tương ứng giảm 567 đơn vị và số lao động giảm 11,5%, tương đương giảm 5.038 lao động. Bình quân mỗi cơ quan hành chính có 21,8 lao động, giảm 1,87 lao động so với năm 2017; mỗi đơn vị sự nghiệp có 48,9 lao động, tăng 11,7 lao động/đơn vị so với năm 2017; mỗi tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội có 7,7 lao động, tăng 2,01 lao động/đơn vị so với năm 2017. Trong khối này, số lượng các đơn vị tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội giảm mạnh nhất với 63,54%, tương đương giảm 244 đơn vị so với năm 2017 số lao động cũng giảm mạnh 50,59% tương ứng 1.106 lao động; các đơn vị sự nghiệp, giảm 26,84%, tương ứng giảm 233 đơn vị và số lao động cũng giảm 3,81%

## ➤➤➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

tương ứng giảm 1.231 lao động; cuối cùng là các cơ quan hành chính, giảm 22,84% tương ứng giảm 90 cơ quan song số lượng lao động lại giảm nhiều nhất với 2.701 lao động, tương ứng 28,96%. Nguyên nhân chính tác động đến các xu hướng giảm trên là do thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà

nước về tinh giản bộ máy và giảm biên chế trong cơ quan hành chính, đồng thời thực hiện đề án đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp như y tế, giáo dục, hiệp hội nên số cơ sở giảm mạnh.

**Bảng 2.** Số cơ sở và lao động các đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội tôn giáo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2021

Đối tượng	ĐVT	Năm		Tốc độ tăng, giảm năm 2021/ 2017 (%)
		2017	2021	
<b>I. Số lượng đơn vị hành chính, sự nghiệp, hiệp hội</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>1.646</b>	<b>1.079</b>	<b>-34,45</b>
1. Số lượng cơ quan hành chính	Đơn vị	394	304	-22,84
2. Số lượng đơn vị sự nghiệp	Đơn vị	868	635	-26,84
3. Số lượng tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội	Đơn vị	384	140	-63,54
<b>II. Số lao động hành chính, sự nghiệp, hiệp hội</b>	<b>Người</b>	<b>43.804</b>	<b>38.766</b>	<b>-11,50</b>
1. Lao động trong cơ quan hành chính	Người	9327	6.626	-28,96
2. Lao động đơn vị sự nghiệp	Người	32291	31060	-3,81
3. Lao động tổ chức chính trị, đoàn thể, hiệp hội	Người	2186	1080	-50,59
<b>III. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng</b>				
1. Số lượng cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	Cơ sở	1198	1.234	3,01
2. Lao động trong các cơ sở tôn giáo tín ngưỡng	Người	1621	2.302	42,01

Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế và hành chính năm 2021 tỉnh Bắc Ninh

- Các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng có mức tăng về số lượng cơ sở và số lao động nhưng mức tăng thấp hơn thời kỳ trước. Đến năm 2021, toàn tỉnh có 1.234 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, với 2.302 lao động là các chức sắc tôn giáo làm việc thường xuyên tại các cơ sở này. So với năm 2017, số cơ sở tăng 3,01%, tương ứng tăng 37 cơ sở; số lao động tăng 42,01%, tương ứng tăng 681 lao động. Về qui mô lao động bình quân 1 cơ sở, năm 2017

là 1,4 người/cơ sở thì đến năm 2021 đã là 1,9 người/cơ sở, tăng 0,5 người/cơ sở.

### 3. Số lượng cơ sở và lao động phân theo đơn vị hành chính

Sau 5 năm, số lượng cơ sở và số lao động của các đơn vị cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo của tỉnh đã có sự thay đổi rõ rệt, tăng về lượng đồng nghĩa làm tăng nguồn lực cho SXKD, cung cấp dịch vụ và tăng mật độ phân bố số lượng đơn vị cơ sở

kinh tế, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo trên phạm vi toàn tỉnh cũng như ở mỗi địa phương. Các địa phương có tốc độ tăng và tăng cao cả về số cơ sở và số lao động trong 5 năm qua là: Thành phố Bắc Ninh có tổng số 23.235 cơ sở, chiếm 16,79%, tăng 19,3% tương ứng tăng 3.753 cơ sở, số lao động có 218.823 người, chiếm 30% tổng số lao động toàn tỉnh và tăng 52,1%, tương ứng tăng 74.975 người; huyện Quế Võ có 14.993 cơ sở, chiếm 10,8%, tăng 17% tương ứng tăng 2.176 cơ sở, số lao động là 90.269 người, chiếm 12,4% tổng số lao động, tăng 50,7%, tương ứng tăng 30.362 người; huyện Tiên Du có 17.062 cơ sở, chiếm

12,3%, tăng 15,7% tương ứng tăng 2.315 cơ sở, số lao động là 104.525 người, tăng 56,1% tương ứng tăng 37.583 người; Thành phố Từ Sơn có tổng số 28.519 cơ sở, chiếm 20,6%, tăng 9,8% tương ứng tăng 5.551 cơ sở, số lao động là 131.823 người, chiếm 18,1% tổng số lao động, tăng 52,1%, tương ứng tăng 38.724 người; huyện Thuận Thành có 16.323 cơ sở, chiếm 11,8%, tăng 13,5% tương ứng tăng 1.947 cơ sở, số lao động là 49.153 người, tăng 16,9% tương ứng tăng 7.107 người và huyện Lương Tài có 9.218 cơ sở, chiếm 6,6%, tăng 7,6% tương ứng tăng 651 cơ sở, số lao động tăng ít chỉ với 0,1% tương ứng tăng 26 người.

**Bảng 3.** Số cơ sở và lao động các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2021

Đơn vị hành chính	Năm 2021		Năm 2017		Tốc độ phát triển năm 2021 so với 2017 (%)	
	Số cơ sở (Đơn vị)	Số lao động (Người)	Số cơ sở (Đơn vị)	Số lao động (Người)	Số cơ sở	Số lao động
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>138.320</b>	<b>727.939</b>	<b>125.488</b>	<b>593.804</b>	<b>110,2</b>	<b>122,6</b>
TP Bắc Ninh	23.235	218.823	19.482	143.848	119,3	152,1
TP Từ Sơn	28.519	131.310	25.968	92.586	109,8	141,8
H. Yên Phong	17.171	77.183	17.554	131.648	97,8	58,6
H. Quế Võ	14.993	90.269	12.817	59.907	117,0	150,7
H. Tiên Du	17.062	104.525	14.747	66.942	115,7	156,1
H. Thuận Thành	16.323	49.153	14.376	42.046	113,5	116,9
H. Gia Bình	11.799	30.871	11.977	31.048	98,5	99,4
H. Lương Tài	9.218	25.805	8.567	25.779	107,6	100,1

*Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế và hành chính năm 2021 tỉnh Bắc Ninh*

Tuy nhiên, còn một số huyện có tốc độ giảm cả về số cơ sở và số lao động, do những năm vừa qua ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, số cơ sở sản xuất không tìm kiếm được thị trường tiêu thụ, phải tạm dừng hoặc giải thể cơ sở, đồng thời những địa

phương này ở giai đoạn trước (2012-2017) là một trong địa phương có tốc độ tăng cao, cụ thể như sau: Huyện Yên Phong có 17.171 cơ sở, chiếm 12,4%, giảm 2,2% (-383 cơ sở), số lao động giảm 41,4% (-54.465 người); huyện Gia Bình có 11.799 cơ sở,

## ➤➤➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

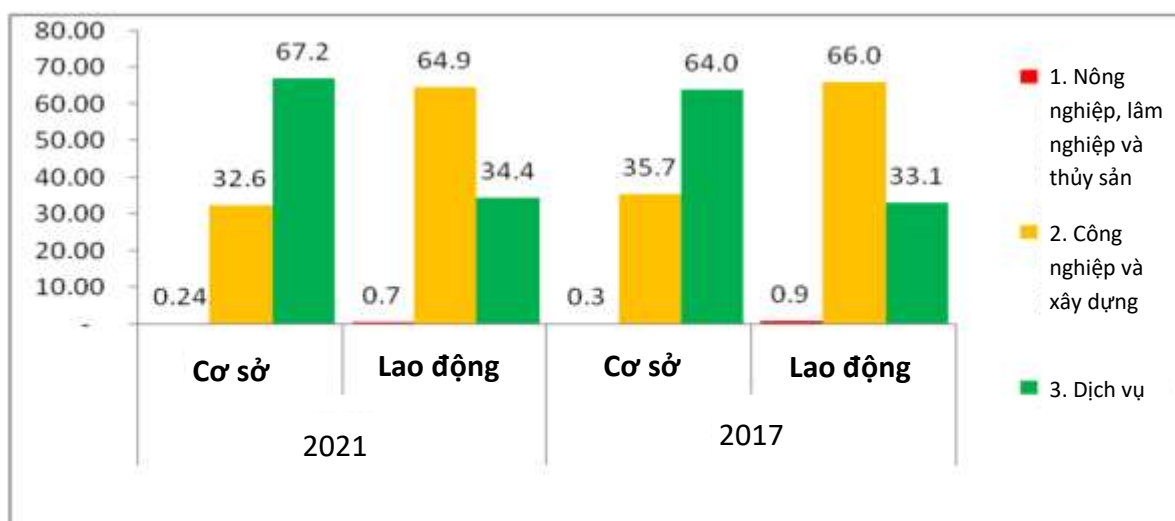
chiếm 8,5%, giảm 1,5% (-178 cơ sở), số lao động giảm nhẹ 0,6% (-177 người).

### 4. Cơ sở và lao động phân theo khu vực ngành kinh tế

Kinh tế-xã hội của tỉnh Bắc Ninh đã đạt được những thành tựu ấn tượng trong giai đoạn 2017-2020. Đặc biệt là kinh tế hàng năm GRDP tăng trưởng với tốc độ cao, cơ cấu chuyển dịch nhanh theo hướng CNH-HĐH; tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) giảm và tỷ trọng của khu vực công nghiệp-xây dựng và khu vực dịch vụ ngày càng tăng. Kết quả sơ bộ cuộc Tổng điều tra xét trên góc độ biến động số lượng cơ sở và lao động trong các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo phân theo khu vực kinh tế cũng phản ánh khá rõ điều đó (xem biểu 1).

Từ biểu đồ trên cho thấy, động thái trong 5 năm từ năm 2017 đến năm 2021, số lượng cơ sở và số lượng lao động trong các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo trên địa bàn tỉnh tăng rất nhanh, nhưng trong từng khu vực kinh tế có sự khác biệt về xu hướng và tốc độ biến động, đó là: Khu vực Nông, lâm, thủy sản là khu vực duy nhất có xu hướng giảm cả về số lượng cũng như lao động, giảm 2,06% số lượng đơn vị, tương ứng giảm 7 cơ sở và giảm 6,3% số lượng lao động, tương ứng giảm 349 người; Khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 0,64% số lượng đơn vị, tương ứng tăng 287 cơ sở và tăng 20,57% số lượng lao động, tương ứng tăng 80.587 người; Khu vực dịch vụ tăng 15,62% số lượng đơn vị, tương ứng tăng 12.552 cơ sở và tăng 27,42% số lượng lao động, tương ứng tăng 53.897 người.

**Biểu 1.** Cơ cấu số cơ sở và lao động các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo phân theo ngành kinh tế đoạn 2017-2021 (%)



Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra kinh tế và hành chính năm 2021 tỉnh Bắc Ninh

**(Xem tiếp trang 25)**

# XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN...

*(Tiếp theo trang 56)*

*Như vậy, sau 5 năm các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, hiệp hội, tôn giáo của tỉnh Bắc Ninh đã có bước tăng trưởng khá ấn tượng và dịch chuyển tích cực, đặc biệt các cơ sở kinh tế không chỉ tăng mạnh về số lượng mà quy mô cũng có sự phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2017-2021 đạt trên 10,37%/năm, thu hút lượng lớn lao động trong và ngoài tỉnh đến làm việc. Đây là tiền đề quan trọng để đưa tỉnh Bắc Ninh sớm trở thành thành phố có nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao như Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của tỉnh đã đề ra./.*

## **Tài liệu tham khảo:**

1. Tỉnh ủy Bắc Ninh (2020), *Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh*;
2. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2021), *Báo cáo kết quả Tổng điều tra kinh tế, hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*.